

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM (1)

(Ngày 09 tháng 12 năm 2024) (2)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THỊ HẢI YẾN** Ngày tháng năm sinh: 27/6/1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Hải Thành.
- Nơi thường trú: Số 1254, đường Phạm Văn Đồng, TDP Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031176009324, ngày cấp 03/07/2024 nơi cấp: Bộ công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Huy Kiên Ngày tháng năm sinh: 20/01/1972
- Nghề nghiệp: Lao động tự do - Nơi làm việc:
- Nơi thường trú: Số 1254, Đường Phạm Văn Đồng, TDP Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031072012534, ngày cấp 30/06/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật): Không

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh: Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:ngày cấp..... nơi cấp.....

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Số 1254, Đường Phạm Văn Đồng, TDP Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.
- Diện tích⁽⁹⁾: 138 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 18 000 000 đồng (Mua năm 1999)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Chưa được cấp
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Thừa đất mới có trích đo, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất: Không

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 1254, Đường Phạm Văn Đồng, TDP Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng.

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: tổng diện tích sử dụng: 138 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 600 000 000 đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa được cấp

- Thông tin khác (nếu có): Nhà xây trên thửa đất hiện có.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất: Không

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾:

- Tiền mặt: 100 000 000 (Tiết kiệm từ tiền lương).

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾: Không

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: Từ ngày 01/01/2024 đến 12/2024:

360 247 051 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 310 247 051 đồng.
- Tổng thu nhập của chồng: 50 000 000 đồng.
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 0
- Tổng các khoản thu nhập chung: 0

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .		360 247 051 đồng	- Tổng thu nhập của người kê khai: 310 247 051 đồng. (Lương 171 158 000; Thu nhập tăng thêm 26.487.000; Truy lĩnh

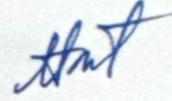
			lương mới 13.452.800; Quản lí 99 149 251 đồng). - Tổng thu nhập của chồng: 50.000.000 đồng.
--	--	--	---

Hải Thành, ngày 09 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



KẾ TOÁN
Lương Thị Thanh Hương

Hải Thành, ngày 09 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Vũ Thị Hải Yên